

Số: /QĐ-UBND

Hoài Nhơn, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt phương án thực hiện**  
**Mô hình sản xuất giống rau mớ Súp lơ vàng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 18003/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND thị xã Hoài Nhơn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn xây dựng cơ bản năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 6735/QĐ-UBND ngày 01/06/2022 về việc phê duyệt danh mục và kinh phí thực hiện chương trình hoạt động khoa học và công nghệ năm 2022;*

*Theo đề nghị của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tại Công văn số 42/CV-TTĐVNN ngày 26/10/2021 và đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án thực hiện mô hình sản xuất giống rau mớ Súp lơ vàng, với các nội dung sau:

- Tổng kinh phí thực hiện: 25.589.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*), trong đó:

+ Nguồn vốn Nhà nước hỗ trợ: 20.562.000 đồng.

+ Nguồn vốn nông dân đối ứng: 5.027.000 đồng.

- Quy mô: Diện tích triển khai thực hiện mô hình: 1.000 m<sup>2</sup>.

- Thời gian thực hiện: Năm 2022.

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã.

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Thủ trưởng các đơn vị liên quan triển khai thực hiện phương án đã được phê duyệt và thanh quyết toán đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hoài

Nhơn, Giám đốc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- CT, PCT UBND thị xã;
- TT. HƢND thị xã;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Chí Công**

## **PHƯƠNG ÁN**

### **Thực hiện Mô hình sản xuất giống rau mới Súp lơ vàng**

*Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2022  
của Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn)*

#### **I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Căn cứ Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Quyết định 63/2020/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy chế quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định;

#### **II. SỰ CẦN THIẾT**

Trong nhiều năm qua, người nông dân trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn sử dụng chủ yếu các loại giống rau như: xà lách, cải cay, mồng tơi, rau muống, dưa leo, khổ qua,... Mặc dù đã đem lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, cũng gặp phải những khó khăn, bất cập như: cung vượt cầu nên giá rau xuống thấp. Bên cạnh đó những loại rau không trồng ở địa phương giá rất cao đặc biệt là giống rau mới Súp Lơ vàng. Xuất phát từ nhu cầu thực tế trên Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã Hoài Nhơn xây dựng đề tài Mô hình sản xuất giống rau mới Súp lơ vàng trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn.

#### **III. NỘI DUNG CỦA PHƯƠNG ÁN**

##### **1. Mục đích, yêu cầu**

- Chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất một số giống rau mới Súp lơ vàng cho nông dân.
- Xây dựng quy trình sản xuất giống rau mới Súp lơ vàng trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn.

##### **2. Thông tin về phương án**

Tên phương án: Mô hình sản xuất giống rau mới Súp lơ vàng.

- Thời gian thực hiện đề án: Năm 2022.
- Nguồn kinh phí: Ngân sách thị xã hỗ trợ 80,3% tổng kinh phí thực hiện với số tiền là 20.562.000 đồng (nguồn KHCVN thị xã). Phần còn lại từ nguồn kinh phí nông dân đối ứng.

##### **3. Nội dung công việc**

Sau khi phương án được phê duyệt, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thực hiện hoàn tất các thủ tục hồ sơ theo quy định và triển khai thực hiện mô hình sản xuất giống rau mới Súp lơ vàng.

#### **4. Địa điểm và quy mô thực hiện**

Diện tích 1.000 m<sup>2</sup>, tại Khu phố 1, phường Tam Quan.

#### **5. Kinh phí thực hiện phương án**

Tổng kinh phí thực hiện: 25.589.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*), trong đó:

+ Nguồn vốn Nhà nước hỗ trợ 80,3% tổng kinh phí thực hiện với số tiền là 20.562.000 đồng (từ nguồn KHCN thị xã năm 2022).

+ Nguồn vốn nông dân đối ứng: 5.027.000 đồng.

*(Có biểu 1: dự toán kinh phí cụ thể kèm theo).*

#### **6. Hiệu quả kinh tế - xã hội**

- Về hiệu quả kinh tế: tăng thêm thu nhập cho bà con nông dân khắc phục được tình trạng nhiều loại rau ăn lá thừa nhưng Súp lơ vàng cung ứng cho thị trường thiếu.

- Về hiệu quả kỹ thuật: Chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất giống rau mới Súp lơ vàng cho nông dân trong sản xuất.

- Về hiệu quả môi trường và xã hội: Không để lại dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên rau, góp phần bảo vệ an toàn thực phẩm, an toàn đối với con người và môi trường; Mô hình thành công tạo điều kiện cho nông dân tham quan, học tập nhân rộng vào sản xuất.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp** có trách nhiệm triển khai thực hiện nội dung phương án đã phê duyệt và đạt hiệu quả.

#### **2. Phòng Tài chính – Kế hoạch:**

Thẩm định và trình UBND thị xã về kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện.

**3. Phòng Kinh tế:** Phối hợp chặt chẽ giúp Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp trong việc thẩm định phương án, dự toán và phân bổ kinh phí thực hiện. Hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán tài chính theo đúng quy định hiện hành.

**Biểu 1: DỰ TOÁN KINH PHÍ MÔ HÌNH CHUYỂN GIAO QUY TRÌNH KỸ THUẬT TRỒNG GIỐNG RAU MỜI**

Tính cho 1000 m<sup>2</sup>

TT	Danh mục đầu tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Cơ cấu nguồn vốn (đồng)		
						Vốn dân	Vốn nhà nước	Vốn nhà nước(%)
<b>I</b>	<b>Giống</b>				<b>1.400.000</b>	<b>700.000</b>	<b>700.000</b>	<b>50</b>
-	Giống Sup lơ vàng	g	40	35.000	1.400.000	700.000	700.000	50
<b>II</b>	<b>Vật tư, công lao động, thủy lợi</b>				<b>5.619.000</b>	<b>4.327.000</b>	<b>1.292.000</b>	<b>23,0</b>
<b>1</b>	<b>Vật tư</b>				<b>2.584.000</b>	<b>1.292.000</b>	<b>1.292.000</b>	<b>50</b>
-	Vôi	kg	40	3.000	120.000	60.000	60.000	
-	Phân hữu cơ mụn dừa	kg	100	7.000	700.000	350.000	350.000	
-	Phân Ure	kg	16	14.000	224.000	112.000	112.000	
-	Phân Kali	kg	10	14.000	140.000	70.000	70.000	
-	Phân NPK ( 16-16-8)	kg	30	16.000	480.000	240.000	240.000	
-	Lân Văn Điển	kg	40	6.000	240.000	120.000	120.000	
-	Chế phẩm Trichoderma	kg	2	60.000	120.000	60.000	60.000	
-	Bạt	cây	2	280.000	560.000	280.000	280.000	
<b>2</b>	<b>Công lao động</b>	<b>công</b>	<b>20</b>	<b>150.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>		
<b>3</b>	<b>Thủy lợi nội đồng</b>	<b>Đ</b>	<b>1</b>	<b>35.000</b>	<b>35.000</b>	<b>35.000</b>		
<b>III</b>	<b>Kinh phí triển khai</b>				<b>18.570.000</b>		<b>18.570.000</b>	<b>100</b>
<b>1</b>	<b>Tập huấn đầu vụ</b>				<b>2.990.000</b>		<b>2.990.000</b>	
-	Tiền ăn	người	10	130.000	1.300.000		1.300.000	
-	Tiền nước	người	10	40.000	400.000		400.000	
-	Phô tô tài liệu	tập	10	9.000	90.000		90.000	
-	Hội trường, trang trí	ngày	1	500.000	500.000		500.000	
-	Giảng viên	buổi	2	350.000	700.000		700.000	
<b>2</b>	<b>Tập huấn giữa vụ</b>				<b>2.400.000</b>		<b>2.400.000</b>	
-	Tiền ăn	người	10	130.000	1.300.000		1.300.000	
-	Tiền nước	người	10	40.000	400.000		400.000	
-	Giảng viên	Buổi	2	350.000	700.000		700.000	
<b>3</b>	<b>Tổng kết, hội thảo</b>				<b>10.200.000</b>		<b>10.200.000</b>	
-	Tiền ăn	người	45	130.000	5.850.000		5.850.000	
-	Tiền nước	người	45	40.000	1.800.000		1.800.000	
-	Phô tô tài liệu	tập	45	10.000	450.000		450.000	

TT	Danh mục đầu tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Cơ cấu nguồn vốn (đồng)		
						Vốn dân	Vốn nhà nước	Vốn nhà nước(%)
-	Hội trường	ngày	1	500.000	500.000		500.000	
-	Khẩu hiệu	bảng	1	300.000	300.000		300.000	
-	Bảng cắm mô hình	bảng	1	500.000	500.000		500.000	
-	Báo cáo hội thảo	cuộc	1	800.000	800.000		800.000	
<b>4</b>	<b>CBKT theo dõi MH</b>	<b>người</b>	<b>1</b>	<b>2.980.000</b>	<b>2.980.000</b>		<b>2.980.000</b>	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>25.589.000</b>	<b>5.027.000</b>	<b>20.562.000</b>	

Ghi chú: Công cán bộ kỹ thuật: 1.490.000đ/22 ngày x11 ngày/tháng x4 thángx1 người = 2.980.000đ  
- Vốn nhà nước hỗ trợ 50% giống, vật tư.